

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2019/DS-ST
Ngày: 26-11-2019
V/v tranh chấp dân sự về hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Tàu;

Ông Nguyễn Quốc Khanh.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới – Thư ký tòa án nhân dân huyện
Tĩnh Biên.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tĩnh Biên tham gia phiên
tòa:*** Ông Phạm Hoàng Phong.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện
Tĩnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2019/TLST-DS ngày
04 tháng 9 năm 2019 “Tranh chấp dân sự về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 11 năm
2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng N. Trụ sở chính: Số 2, L, phường T, quận B, H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Thái H – Chức vụ: Phó
Giám đốc phụ trách Ngân hàng N, chi nhánh C. Địa chỉ: Số 19, khóm I, thị
trấn C, huyện T, tỉnh A.

Ủy quyền lại cho ông Nguyễn Cao C – Nhân viên phòng kế hoạch
kinh doanh Ngân hàng N, Chi nhánh C theo giấy ủy quyền số 13/UQ-
NHNoCL ngày 26 tháng 11 năm 2019, có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Châu Đa Ra V, sinh năm 1963, nơi cư trú: ấp T, xã T,
huyện T, tỉnh A, có mặt.

- *Người phiên dịch:* Ông Lục Tà D – Cán bộ Đài truyền thanh huyện
Tĩnh Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng N, chi nhánh C trình bày:*

Ngày 16 tháng 6 năm 2011 ông Chau Đa Ra V có ký hợp đồng tín dụng số 205/HĐTD tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (NHNN₀) Việt Nam, chi nhánh C (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), số tiền vay vốn là 23.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, Lãi suất: 1.75%/tháng, lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay, mục đích vay: Sản xuất lúa chăn nuôi bò, phương thức trả nợ: hạn trả cuối cùng vào ngày 30/4/2012, trả lãi theo định kỳ 3 tháng 1 lần, lãi suất điều chỉnh tăng hoặc giảm (6 tháng một lần) trên thị trường tiền tệ khi có thông báo của Giám đốc NHNo&PTNT tỉnh An Giang. Hình thức bảo đảm tiền vay: Ngân hàng giữ hộ tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02344 QSDĐ/LK cấp ngày 02/12/2002 tại xã T, huyện T đứng tên Chau Đa Ra V, nhưng không ký hợp đồng thế chấp.

Từ khi vay ông Chau Đa Ra V có trả được 7.997.249 đồng, không trả gốc nên Ngân hàng chuyển nợ quá hạn ngày 03/5/2012, Ngân hàng yêu cầu ông Chau Đa Ra V trả tổng cộng vốn và lãi tính đến ngày xét xử (ngày 26/11/2019) là 59.475.125 đồng, trong đó nợ gốc 23.000.000 đồng, tiền lãi trong hạn (từ ngày 24/4/2013 đến ngày 26/11/2019) là 23.086.250 đồng, lãi quá hạn (từ ngày 03/5/2012 đến ngày 26/11/2019) là 13.388.875 đồng. Đồng thời Ngân hàng tiếp tục giữ giấy chứng nhận của ông Chau Đa Ra V đến khi trả xong nợ và yêu cầu tính lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng sau khi xét xử đến khi thanh toán xong vốn gốc.

- *Tại phiên tòa bị đơn ông Chau Đa Ra V trình bày như sau:* Ông thừa nhận ngày 16 tháng 6 năm 2011 có ký hợp đồng tín dụng số 205/HĐTD, hình thức vay tín chấp tại Ngân hàng N, chi nhánh C như đại diện Ngân hàng trình bày. Khi vay ông có giao cho Ngân hàng giữ tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02344 QSDĐ/LK cấp ngày 02/12/2002 tọa lạc xã T, huyện T đứng tên Chau Đa Ra V, không ký hợp đồng thế chấp.

Sau khi nhận số tiền vốn 23.000.000 đồng thì ông cho ông Chau Sa Ra V (lúc này là cán bộ ngân hàng) mượn và ông V có đưa ông lại 200.000 đồng tiền uống cà phê.

Do ông không có sử dụng số tiền vay mà cho ông Chau Sa Ra V mượn nên ông xin được trả lại số tiền 10.000.000 đồng và xin nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- *Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về hợp đồng tín dụng số 205/HĐTD ngày 16/6/2011 giữa Ngân hàng với ông Chau Đa Ra V trên cơ sở tự nguyện, tự thỏa thuận không trái pháp luật nên phát sinh quyền và nghĩa vụ các bên, nên ông Chau Đa Ra V có trách nhiệm trả khoản nợ theo hợp đồng này gồm vốn 23.000.000 đồng và tiền lãi 36.474.875 đồng.

+ Về tài sản đảm bảo khoản tiền vay: Ngân hàng không thực hiện ký hợp đồng thế chấp mà giữ tài sản của bên thế chấp thì không đảm bảo về hình thức của hợp đồng, nên buộc Ngân hàng phải trả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02344 QSDĐ/IK cấp ngày 02/12/2002 đứng tên Chau Đa Ra V đất tọa lạc tại ấp A, xã A, huyện T.

- *Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập*: Biên bản hòa giải ngày 10/10/2019 và biên bản lấy lời khai ngày 10/10/2019.

Đại diện nguyên đơn trình bày vẫn giữ nguyên yêu cầu;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Căn cứ Điều khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn ông Chau Đa Ra V có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện T, tỉnh A. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

Quan hệ pháp luật tranh chấp: Ngân hàng N, chi nhánh C ký Hợp đồng tín dụng, cho ông Chau Đa Ra V vay tiền với mục đích là Sản xuất lúa, chăn nuôi bò. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản bằng tiền.

[2] Về nội dung:

Xét hợp đồng tín dụng số 205/HĐTD, ký ngày 16 tháng 6 năm 2011 được xác lập trên cơ sở tự nguyện và tự thỏa thuận của các bên. Về nội dung và hình thức hợp đồng đều tuân thủ đúng quy định pháp luật và phù hợp theo quy định Điều 11 và Điều 13 Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN

ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước “Về việc ban hành Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng” và lãi suất áp dụng phù hợp theo quy định tại Điều 91 Luật các Tổ chức tín dụng 2010, nên có cơ sở công nhận hợp đồng này là hợp pháp.

Về thỏa thuận giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Hình thức hợp đồng tín dụng được các bên ký kết bằng biện pháp tín chấp (không giữ tài sản để bảo đảm thực hiện giao dịch). Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng cho rằng việc giữ Giấy chứng nhận của bị đơn dựa trên cơ sở theo quy định Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính phủ, tuy nhiên biện pháp bảo đảm và đăng ký bảo đảm theo quy định tại điều 318, 323 của Bộ luật hình sự năm 2005 là điều kiện để giao dịch bảo đảm có hiệu lực. Do đó, việc ông Chau Đa Ra V tự nguyện giao cho Ngân hàng giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02344 QSDĐ/IK cấp ngày 02/12/2002 đứng tên Chau Đa Ra V đất tọa lạc tại xã T, huyện T giữ hộ nhưng không thực hiện các quy định về biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ, là không đảm bảo về nội dung và hình thức, nên không phát sinh hiệu lực thực hiện biện pháp bảo đảm đối với tài sản này. Việc Ngân hàng yêu cầu tiếp tục giữ giấy chứng nhận của ông Chau Đa Ra V là không có cơ sở, buộc Ngân hàng trả lại cho ông Chau Đa Ra V giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này.

Về nghĩa vụ trả nợ: Theo bảng kê tính lãi do đại diện Ngân hàng xuất trình tại phiên tòa tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 26 tháng 11 năm 2019) ông Chau Đa Ra V còn nợ tổng cộng vốn và lãi là 59.475.125 đồng. Do ông Chau Đa Ra V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng khoản nợ này.

Theo ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

Từ đó có cơ sở chấp nhận một phần yêu cầu của Ngân hàng, buộc ông Chau Đa Ra V có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng khoản nợ này, buộc Ngân hàng trả lại cho ông Chau Đa Ra V giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Chau Đa Ra V phải chịu án phí theo giá ngạch. Ngân hàng không phải chịu án phí, được hoàn lại tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Điều 147, Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;
- khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng N đối với bị đơn ông Chau Đa Ra V.

Buộc ông Chau Đa Ra V có trách nhiệm trả cho Ngân hàng N, tổng cộng tiền vốn, lãi là 59.475.125 đồng (*năm mươi chín triệu, bốn trăm bảy mươi lăm ngàn, một trăm hai mươi lăm đồng*), trong đó: Vốn gốc 23.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn (từ ngày 24/4/2013 đến ngày 26/11/2019) là 23.086.250 đồng, tiền lãi quá hạn (từ ngày 03/5/2012 đến ngày 26/11/2019) là 13.388.875 đồng.

Buộc Ngân hàng N trả cho ông Chau Đa Ra V bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02344 QSDĐ/LK cấp ngày 02/12/2002 đứng tên Chau Đa Ra V, diện tích đất 9.540 m² tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Chau Đa Ra V phải chịu 2.974.000đ (*hai triệu, chín trăm bảy mươi bốn ngàn đồng*) tiền án phí.

Ngân hàng N được hoàn lại tiền tạm ứng án phí 1.350.000 đồng (*một triệu, ba trăm năm mươi ngàn đồng*) đã nộp theo biên lai thu số TU/2017/0004709 ngày 03 tháng 9 năm 2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tịnh Biên.

3. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của Ngân hàng cho vay.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành

án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h. Tỉnh Biên;
- THADS h. Tỉnh Biên;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Lưu HS & VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Mỹ